TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2025
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi; Ông Nguyễn Hạ Tuấn.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tưởng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025 về "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2025/QĐHPT-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

*/ ***Nguyên đơn*****:** Chị Đặng Thị N, sinh ngày 10/3/1997;

Số CCCD: 025197011416; do Cục trưởng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/12/2023.

****/ Bị đơn*****:** Anh Phạm Văn H, sinh ngày 01/12/1999;

Số CCCD: 001099020819; do Cục trưởng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/12/2023.

Đều có nơi ĐKHKTT: xóm 1, thôn H1, xã PS, thành phố Hà Nội.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Đặng Thị N là nguyên đơn trình bày: chị và anh Phạm Văn H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DT, huyện MD (nay là xã PS) năm 2024. Vợ chồng chị cùng đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan nên quen nhau từ đó, qua thời

gian tìm hiểu đi lại chị có thai, hai anh chị về Việt Nam tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, về chung sống với nhau được 2 tháng chị đã nhận thấy giữa hai vợ chồng chị bất đồng quan điểm rất nhiều, không tìm được tiếng nói chung, anh H là người đàn ông gia trưởng, luôn bắt chị phải theo ý anh ấy, khi nói chuyện với nhau không đi đến được thống nhất anh H thường hay chửi bậy, chửi cả gia đình chị, lần gần đây nhất anh H đã đánh chị. Chị có nói chuyện với bố mẹ hai bên, bố mẹ hai bên cũng phân tích, khuyên nhủ, cũng bảo chị nhẫn nhĩn, nhưng khi anh H đánh chị, chị nhận thấy chị không thể tiếp tục chung sống với người chồng như anh H được nữa và thực tế từ lâu anh chị cũng đã hết tình cảm với nhau, ở với nhau chỉ vì con, anh chị đã sống ly thân 1 tuần nay, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và bế theo con nhỏ. Nay chị làm đơn xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: anh chị có 01 con chung: Phạm Gia Bảo, sinh ngày 11/3/2024. Con chung đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn H: Không có ý kiến trình bày gì.

Tại biên bản xác minh tại UBND xã PS, Công an xã PS thể hiện:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị N, sinh năm 1997 là người ở xã Hương Cần, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ; tự nguyện kết hôn với anh Phạm Văn H, sinh năm 1999 tại UBND xã DT, huyện MD (nay là xã PS) ngày 20/02/2024; Sau khi kết hôn chị N chuyển hộ khẩu và chuyển về sinh sống tại nhà anh H ở xóm 1, thôn H1, xã PS, thành phố Hà Nội. Vợ chồng anh H chị N đi làm việc ở nội thành Hà Nội nên mâu thuẫn vợ chồng cụ thể như nào chính quyền địa phương không nắm được; Chị N và anh H có 01 con chung: Phạm Gia Bảo, sinh ngày 11/3/2024. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh H, quan điểm chính quyền địa phương: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Về nơi cư trú của anh H: anh H có nơi đăng ký thường trú tại: xóm 1, thôn H1, xã PS, thành phố Hà Nội. Anh H sống cùng nhà với bố mẹ đẻ là ông Phạm Văn Hưng và bà Nguyễn Thị Hồng. Anh H làm nghề lao động tự do, thỉnh thoảng mới về nhà và địa phương.

** Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, các

đương sự được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng không hòa giải được vì lý do bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị N được ly hôn với anh H; giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N cho đến khi có sự thay đổi mới hoặc có đề nghi khác; chị N nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ- ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Đặng Thị N làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, anh Phạm Văn H là bị đơn có địa chỉ cư trú tại: xóm 1, thôn H1, xã PS, thành phố Hà Nội, do đó Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H đến Tòa để hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh H vắng mặt không có lý do; chị N xin vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Đặng Thị N và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã DT (nay là xã PS) ngày 20/02/2024 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị N trình bày là do bất đồng quan điểm, không thể tìm được tiếng nói chung, anh H là người đàn ông gia trưởng, luôn bắt chị phải theo ý anh ấy, khi nói chuyện với nhau không đi đến được thống nhất anh H thường hay chửi bậy, chửi cả gia đình chị, lần gần đây nhất anh H đã đánh chị; do mâu thuẫn căng thẳng trầm trọng nên chị N và anh H đã sống ly thân 01 tháng nay, không ai quan tâm đến ai. Chị N cương quyết xin được ly hôn với anh H; anh H không đến Tòa án làm việc trình bày quan điểm.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H và chị N là căng thẳng, có thời gian sống ly thân dài, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử

chấp nhận đơn ly hôn của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh H và chị N có 01 con chung là Phạm Gia Bảo, sinh ngày 11/3/2024. Hiện tại, cháu Bảo đang ở với chị N. Chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung; con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, vẫn còn quá nhỏ; anh H không đến Toà án trình bày quan điểm. Do đó, để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý, môi trường sống của con chung được ổn định, theo nguyện vọng của đương sự và thực tiễn cuộc sống, HĐXX giao con chung cho chị Đặng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh H cho đến khi có thay đổi mới hoặc có đề nghị khác là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị N không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết; anh H không đến Tòa án trình bày quan điểm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong bản án này.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị N phải nộp án phí; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: chị Đặng Thị N được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: chị Đặng Thị N và anh Phạm Văn H có 01 con chung là: Phạm Gia Bảo, sinh ngày 11/3/2024. Sau ly hôn, giao con chung cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh H cho đến khi có yêu cầu hoặc có thay đổi khác. Sau ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh h□ởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục con thì ng□ời trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của ng□ời

đó.Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".

3. Về án phí: chị Đặng Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003803 ngày 07 tháng 8 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi cư trú đối với người vắng mặt./.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 12 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 12 – Hà Nội;
- UBND xã nơi đã ĐKKH;
- Các đ- ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ